

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**



**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**  
**ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2030**

*Kiên Giang, tháng ... năm 2016.*

# GIỚI THIỆU CHUNG

## 1.1. Giới thiệu sơ bộ về Trường Đại học Kiên Giang

Trường Đại học Kiên Giang là một trong ba trường đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long; được thành lập theo Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21/05/2014 của Thủ tướng Chính Phủ trên cơ sở Phân hiệu Trường Đại học Nha Trang tại Kiên Giang. Nhiệm vụ của Trường là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học, sau đại học về các lĩnh vực đa ngành trong khu vực Tây Nam Bộ - Việt Nam; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và thực hiện các dịch vụ phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước nói chung và các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

Cơ cấu tổ chức Đại học Kiên Giang gồm: Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, 08 Phòng, 02 Ban, 03 Văn phòng liên lạc, 10 Khoa, 10 Trung tâm trực thuộc và 02 Viện nghiên cứu.

Trường Đại học Kiên Giang đang đào tạo 09 chuyên ngành trình độ đại học với quy mô hiện tại khoảng 1.400 sinh viên, học viên ở các loại hình và hệ đào tạo. Trong đó, hệ đào tạo chính quy khóa I năm học 2015 – 2016 là 987 sinh viên.

Tính đến hết tháng 06/2016, đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động của Trường hiện có 219 người. Trong đó, cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 100%. Nhiều cán bộ, giảng viên được đào ở nước ngoài.

Trường Đại học Kiên Giang đã hợp tác, liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học với nhiều các trường đại học, viện nghiên cứu; thiết lập quan hệ song phương với hơn nhiều trường đại học ở trong vùng và trong nước.

Trong những năm qua, Trường Đại học Kiên Giang (tiền thân là Phân hiệu Trường Đại học Nha Trang) đã từng bước khẳng định được uy tín, tạo được vị thế vững chắc trong vùng và khu vực về đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, hiện nay cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học và đội ngũ cán bộ giảng dạy còn hạn chế chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo; mô hình và cơ chế quản lý bộc lộ nhiều bất cập. Do đó, việc hoạch định chiến lược phát triển cho Trường là yêu cầu bức thiết nhằm đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội của Trường Đại học Kiên Giang trong bối cảnh hiện nay.

## 1.2. Cơ sở pháp lý để xây dựng kế hoạch chiến lược

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Kiên Giang được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lý sau:

- Luật Giáo dục 2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;

- Văn kiện Đại hội IX, X, XI của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Quy hoạch mạng lưới các trường Đại học và Cao đẳng giai đoạn 2006 – 2020, theo Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ;
- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020;
- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;
- Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội của vùng và địa phương;

## **Phần thứ nhất**

### **PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG**

#### **1.1. Môi trường bên ngoài**

##### **1.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực**

- Xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đang diễn ra nhanh chóng, mạnh mẽ và sâu rộng; khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin đang làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt của các nước và thế giới; nhiều vấn đề lớn nảy sinh yêu cầu nhiều quốc gia phối hợp để giải quyết.

- Nhiều tiềm năng được khai thác, phát huy lợi thế so sánh nhờ thu hút các nguồn lực to lớn từ bên ngoài. Tuy nhiên việc thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đó đòi hỏi phải có nguồn nhân lực trình độ và chất lượng cao. Đặc biệt là nguồn nhân lực trong các lĩnh vực kinh tế xã hội và quản lý.

- Giáo dục đại học đang có xu hướng quốc tế hóa ngày càng mạnh mẽ. Quá trình này tạo ra nhiều cơ hội cho giáo dục đại học các nước đang phát triển tiếp cận nhanh với trình độ quốc tế. Tuy nhiên cũng đặt ra nhiều thách thức cho đại học ở các nước đang phát triển trong việc cạnh tranh thu hút người học, giảng viên, cán bộ quản lý giỏi,... đòi hỏi giáo dục đại học các nước phải nhanh chóng đổi mới mạnh mẽ hình thức, nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo... để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội và đạt được những chuẩn mực chung về chất lượng giáo dục.

##### **1.1.2. Bối cảnh trong nước**

- Theo Nghị quyết của Đại hội Đảng XII, Đảng đã xác định mục tiêu tổng quát như sau: “phần đầu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” và chỉ tiêu cụ thể: “tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65 - 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%”- điều đó đòi hỏi cao về nguồn nhân lực phải được đào tạo, giáo dục đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, đặc biệt là năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ. Đây là điều kiện thuận lợi để các trường đại học phát triển quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ luôn được Đảng và Nhà nước xác định là quốc sách hàng đầu. Ngành giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học đang tiến hành đổi mới mạnh mẽ hình thức, nội dung, chương trình đào tạo và phương pháp dạy - học là yếu tố quan trọng để các trường thay đổi diện mạo và chủ động hội nhập quốc tế.

- Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tạo cơ hội cho kinh tế nước ta phát triển đồng thời mở ra thời cơ mới cho phát triển giáo dục đại học. Các hình thức hợp tác, liên kết đào tạo sẽ tạo điều kiện để các trường đại học tiếp thu công nghệ đào tạo hiện đại, đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, nâng cao trình độ và kỹ năng của đội ngũ giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo. Mặt khác, gia nhập WTO

cũng đặt ra nhiều thách thức và đòi hỏi về ngành nghề đào tạo mới, về chất lượng trường đại học, về sản phẩm đào tạo, về tự do hoá cung ứng dịch vụ đào tạo đại học.

- Sự xuất hiện ngày càng nhiều các cơ sở đào tạo đại học nước ngoài tại Việt Nam tạo sự cạnh tranh gay gắt giữa các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế ngay tại Việt Nam đòi hỏi các trường đại học phải thực sự quan tâm đến chất lượng và hiệu quả đào tạo.

### **1.1.3. Nhu cầu về đào tạo nhân lực có trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**

*\* Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng bằng sông Cửu Long và vùng Tây Nam Bộ*

Từ sau Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, nền kinh tế của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nam Bộ đã có những thay đổi nhanh chóng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và sản xuất hàng hoá. Cơ cấu kinh tế từ chỗ chủ yếu là sản xuất nông nghiệp đến nay đã có sự thay đổi. Sản xuất công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong giá trị tổng sản phẩm của vùng. Tuy vậy, tốc độ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra còn chậm, tốc độ tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của vùng; giá trị sản phẩm bình quân đầu người còn thấp hơn so với bình quân chung cả nước, hộ nghèo đói còn chiếm một tỷ lệ cao so với các vùng khác.

Trong tiến trình phát triển, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nam Bộ đã xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên, nguồn nhân lực về quản lý kinh tế, sản xuất, dịch vụ cho các cơ quan, doanh nghiệp kinh tế - xã hội của các cấp: tỉnh, quận, huyện, phường, xã và số cơ sở sản xuất của khu vực vẫn còn bất cập. Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khai thác có hiệu quả các nguồn lực và tiềm năng của mỗi địa phương đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và quản lý có trình độ cao với số lượng lớn và đa dạng. Đặc biệt, vùng đồng bằng sông Cửu Long có hơn 80% dân số sống ở vùng nông thôn, nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của các tỉnh. Trường Đại học Kiên Giang được kế thừa truyền thống hơn 35 năm kinh nghiệm của Trường Đại học Nha Trang, nếu có chiến lược phát triển phù hợp sẽ đóng vai trò tích cực trong việc đáp ứng tốt hơn nhu cầu về nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội nói chung, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp nông thôn của vùng.

Sự hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp tập trung ở vùng đồng bằng sông Cửu Long gắn liền với việc xây dựng các cảng biển nước sâu, các sân bay quốc tế Cần Thơ, Phú Quốc ở đồng bằng sông Cửu Long đang đòi hỏi ngày càng nhiều nguồn nhân lực có trình độ cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán tài chính, du lịch... Sự hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, đường xuyên Á qua các cửa khẩu quốc tế ở vùng Tây Nam nối liền Việt Nam với Campuchia, Thái Lan ở biên giới Tây

Nam đã và đang tạo ra những cơ hội thuận lợi cho khu vực mở rộng giao lưu kinh tế, văn hoá của vùng Tây Nam và cả nước với quốc tế.

Việc hình thành đường Xuyên Á từ Cà Mau, Kiên Giang, Pnompenh, Bangkok cũng là một đòn bẩy quan trọng cho phép khai thác tiềm năng to lớn cho các tỉnh biên giới Tây Nam trong phát triển kinh tế - xã hội tạo ra những tiền đề mới cho sự phân công lao động giữa các vùng, hình thành các nông trại, trang trại sản xuất hàng hoá gắn kết với các khu công nghiệp chế biến... Tất cả những điều kiện và nguồn lực mới đang hình thành sẽ tạo ra một thị trường lao động rộng lớn và sôi động có khả năng hấp dẫn và thu hút nguồn nhân lực đa dạng, phong phú. Trong đó, đáng chú ý là nguồn nhân lực có trình độ cao về khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế.

#### *\* Nhu cầu người học*

Đối với người học thì mục tiêu cơ bản là học để có kiến thức, để nâng cao năng lực chuyên môn, trau dồi các phẩm chất, kỹ năng trước tham gia vào thị trường lao động, từ đó, tự nuôi sống bản thân, đóng góp lợi ích kinh tế cho gia đình và xã hội. Ngoài ra, nhu cầu cao hơn đối với người học là khẳng định giá trị bản thân, muốn được thể hiện, muốn được mọi người tôn trọng và muốn có những đóng góp hữu ích cho sự phát triển chung của xã hội. Nhu cầu này là rất chính đáng và có xu hướng ngày càng phát triển, phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Kiên Giang.

Trong bối cảnh đa dạng về loại hình, phương thức đào tạo như hiện nay, người học nào cũng mong muốn chọn được nơi đào tạo uy tín, chất lượng, chi phí hợp lý, cơ hội việc làm sau khi ra trường cao. Mong muốn này của người học cũng một trong những giá trị cốt lõi mà Trường đại học Kiên Giang muốn đem lại cho người học.

## **1.2. Thực trạng Trường Đại học Kiên Giang**

### **1.2.1. Bộ máy quản lý và cơ chế hoạt động**

Trường Đại học Kiên Giang là một trong ba trường đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo ở đồng bằng sông Cửu Long. Công tác quản lý - điều hành của Trường chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Trường hiện nay được hình thành theo quy chế tổ chức hoạt động của Đại học Kiên Giang gồm: Hội đồng trường (25 thành viên), Ban Giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 03 Phó Hiệu trưởng), 08 Phòng (Hành chính – Quản trị, Tổ chức – Cán bộ, Kế hoạch – Tài chính, Quản lý Khoa học & Công nghệ, Quản lý Đào tạo đại học và sau đại học, Khảo thí và đảm bảo chất lượng, Thanh tra – Pháp chế, Công tác sinh viên), 02 Ban (Quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và Thiết bị trường học, Quản lý Ký túc xá), 03 Văn phòng liên lạc (Tp.HCM, Cà Mau, Phú Quốc), 10 Khoa (Kinh tế - Du lịch, Sư phạm, Khoa học Chính trị - Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật - Công nghệ, Khoa học biển và Công nghệ thực phẩm, Ngoại

ngữ, Thông tin và Truyền thông, Y dược và Điều dưỡng), 10 Trung tâm thuộc trường (Hợp tác quốc tế; Giáo dục thể chất – Quốc phòng; Ngoại ngữ, CNTT và Khảo thí quốc tế; Nghiên cứu thực nghiệm Nông - Lâm và Thủy sản, Quản lý Thực hành – Thí nghiệm; Học liệu – Thư viện; Đào tạo Y tế và Nghiên cứu sản xuất thực nghiệm sản phẩm y dược; Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học Công nghệ Điện – Điện tử; Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ - Kỹ thuật Xây dựng; Dịch vụ và phục vụ trường học), 02 Viện nghiên cứu (Viện Khoa học biển đảo; Viện Khoa học nông nghiệp công nghệ cao).

Hiện nay, Trường đang tập trung xây dựng cơ chế quản lý theo hướng phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, sinh viên.

Nhìn chung, hoạt động của bộ máy nhà trường đã thể hiện được tính linh hoạt, phối hợp và đồng bộ trong quản lý, điều hành góp phần thúc đẩy sự phát triển của Trường. Hệ thống các văn bản quản lý điều hành nội bộ trong nhà trường được xây dựng đầy đủ, mang tính khoa học cao tạo điều kiện thuận lợi và đồng bộ trong công tác quản lý.

Tuy nhiên, công tác này vẫn còn một số hạn chế:

+ Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành còn hạn chế.

+ Chịu ảnh hưởng của cơ chế, mô hình quản lý đại học chung theo quy định, hoạt động quản lý, điều hành của Trường còn gặp nhiều khó khăn cần phải khắc phục. Cơ chế phối hợp giữa Trường Đại học Kiên Giang với các trường đại học trong khu vực trong một số lĩnh vực công tác còn nhiều bất cập nên hiệu quả chưa cao. Việc phân cấp tổ chức và quản lý cho các trường công lập còn quá hạn hẹp đã hạn chế tính chủ động, sáng tạo của các trường.

### **1.2.2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên**

Trong các năm qua, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường không ngừng được tăng cường về số lượng và chất lượng. Số lượng cán bộ, giảng viên tăng nhanh qua các năm, trong đó tăng chủ yếu là cán bộ giảng dạy.

Năm 2014, khi mới thành lập Trường, đội ngũ cán bộ, giảng viên chỉ có 80 người, trong đó có 56 cán bộ giảng dạy. Đến tháng 6/2016, Trường có 219 lao động, trong đó: 02 Phó Giáo sư, 09 Tiến sĩ; 104 Thạc sĩ, 104 trình độ khác; trong đó có 09 cán bộ đang là nghiên cứu sinh. Trường đang có kế hoạch tuyển dụng thêm cán bộ giảng dạy và cán bộ hành chính. Song song với việc tăng về số lượng, công tác bồi dưỡng đào tạo đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy được Đại học Kiên Giang quan tâm thích đáng. Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, giảng viên, bên cạnh các chính sách chung của Nhà nước, Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ, do đó cán bộ giáo viên có nhiều cơ hội tham gia các khoá đào tạo. Vì vậy, chất lượng đội ngũ của Trường trong thời gian tới sẽ được cải thiện

và tăng nhanh chóng. Hiện nay, rất nhiều cán bộ, giảng viên đều đạt chuẩn và trên chuẩn, trong thời gian tới sẽ cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở các cơ sở có uy tín trong và ngoài nước như Mỹ, Úc, Trung Quốc, Đài Loan, Bỉ, Nhật, Hàn Quốc,...

Trường có nhiều giảng viên giàu kinh nghiệm, năng lực chuyên môn tốt, có khả năng liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế. Trong đội ngũ giảng viên của trường có gần 40% có đủ khả năng về trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với chuyên gia nước ngoài. Phần lớn cán bộ giảng dạy trẻ, năng động, sáng tạo, có khả năng tiếp cận nhanh với khoa học tiên tiến và chủ động trong hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, hiện nay đội ngũ giảng viên còn thiếu so với yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo, đội ngũ giảng viên đầu ngành ít, chất lượng đội ngũ so với yêu cầu còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ tiến sĩ còn rất ít (khoảng 3% trên tổng số giảng viên) so với chuẩn mực xếp hạng phân tầng và so với các trường đại học trong nước. Cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao nhưng kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều, chưa đáp ứng được yêu cầu về kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực tiễn. Nhiều giảng viên bị hạn chế về ngoại ngữ.

### **1.2.3. Công tác đào tạo**

Kế thừa thành quả và kinh nghiệm đi trước của Trường Đại học Nha Trang, trong những năm qua Trường Đại học Kiên Giang đã, đang phát triển nhanh chóng, vững chắc trên mọi lĩnh vực hoạt động, đặc biệt là lĩnh vực đào tạo. Năm học 2015 – 2016 số lượng sinh viên nhập học là 987 em (853 em hệ đại học, 130 em hệ cao đẳng). Gồm 08 ngành đào tạo: Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật môi trường, Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Toán, Kế toán. Tiến hành liên kết đào tạo bậc đại học (Văn bằng hai và hệ Vừa học vừa làm) và Sau đại học (05 ngành: Công nghệ thông tin, Tài chính – Ngân hàng; Luật; Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán; Bảo vệ thực vật).

Với việc mở ra các chuyên ngành đào tạo mới và duy trì tốc độ tăng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm: Kinh tế, Nông nghiệp, Thủy sản là các chuyên ngành đào tạo chủ lực của Trường và của khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Đây là thế mạnh để Trường có thể xây dựng các chương trình đào tạo chất lượng cao ngang tầm khu vực và quốc tế. Song song với việc mở rộng quy mô đào tạo, Trường đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo và đã có nhiều biện pháp nhằm đảm bảo các điều kiện về nhân lực và vật lực để phục vụ giảng dạy, tăng cường công tác quản lý, cải tiến nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học.

Chương trình giáo dục, kế hoạch giảng dạy và học tập của Trường được xây dựng theo đúng quy định, dựa trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của nhà trường.



Công tác quản lý sinh viên, học viên từng bước được đổi mới và đi vào nề nếp, thực hiện nghiêm túc quy chế của Bộ GD&ĐT và quy chế của Đại học Kiên Giang đã tạo ra những chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

*Một số hạn chế trong công tác đào tạo:*

+ Chương trình giáo trình chưa thực hiện đúng kế hoạch; vấn đề đổi mới phương pháp dạy học đại học mặc dù đã có chuyển biến nhưng việc triển khai cụ thể ở từng đơn vị, từng cá nhân còn lúng túng, chưa thực sự tạo được những bước đột phá, chưa phát hiện được những gương điển hình để nhân rộng.

+ Chưa mở được một số ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế là thế mạnh của địa phương và khu vực, đặc biệt là các ngành về nông nghiệp, thủy sản và du lịch.

+ Việc mở rộng quy mô, loại hình, ngành nghề đào tạo vẫn còn bất cập; chưa đảm bảo sự cân đối giữa quy mô đào tạo và nguồn lực hiện có giữa quy mô sinh viên chính quy và không chính quy, giữa quy mô đào tạo các ngành và các địa bàn đào tạo; chưa cân đối giữa giảng dạy lý thuyết với thực hành, thực tập....

#### **1.2.4. Công tác nghiên cứu khoa học**

Trong những năm qua, Trường đã chú trọng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu KHCN bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng và đã đạt được nhiều kết quả, tạo tiền đề để đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu KHCN trong những năm tiếp theo. Cụ thể:

Hoạt động nghiên cứu khoa học cấp sơ sở: Năm 2015, có 06 đề tài với kinh phí 100 triệu do sự nghiệp khoa học tỉnh cấp; Năm 2016, có 04 đề tài - 02 đề tài sử dụng kinh phí Trường và 02 đề tài sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học tỉnh. Đề tài KHCN cấp Bộ GD&ĐT: Năm 2016, có 01 đề tài đang thực hiện; Năm 2017, có 01 đề tài đã thông qua Hội đồng tuyển chọn chờ Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt để thực hiện. Về đề tài KHCN cấp Nhà nước: đã phối hợp đề xuất và đặt hàng 02 đề tài của năm 2016. Đã tiến hành ký kết hợp tác nghiên cứu KHCN với: 02 Viện, Trường; 01 Sở KH&CN, 01 doanh nghiệp.

Các đề tài KHCN chủ yếu tập trung đề cập đến việc thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang và các tỉnh lân cận như chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nghiên cứu các mô hình phát triển kinh tế trên các vùng sinh thái khác nhau ở các tỉnh trong vùng; nghiên cứu các ngành nghề truyền thống; nghiên cứu thị trường các sản phẩm nông nghiệp; nghiên cứu về kinh tế, tài nguyên, môi trường...

Nhìn chung, các đề tài nghiên cứu khoa học được tiến hành đã có những đóng góp đáng kể trong việc giải quyết những vấn đề thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương và vùng. Đồng thời, góp phần đổi mới công tác quản lý kinh tế của đội ngũ cán bộ quản lý trong các cơ quan, doanh nghiệp trên địa

bàn các tỉnh Tây Nam. Công tác nghiên cứu khoa học đã góp phần tích cực trong việc bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

*Tuy nhiên, công tác nghiên cứu khoa học vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục như sau:*

+ Chưa tập hợp rộng rãi được đội ngũ các nhà khoa học của Trường để xây dựng đề tài nghiên cứu, chương trình, dự án lớn, trọng điểm theo hướng chuyên ngành, liên ngành. Các công trình nghiên cứu khoa học còn mang tính đơn lẻ, chưa có sự tập trung cao về trí tuệ để giải quyết có hiệu quả những vấn đề lớn của thực tiễn mang tính chất liên ngành, liên vùng.

+ Còn không ít giảng viên hạn chế về năng lực và kinh nghiệm trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

+ Việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất kinh doanh và quản lý kinh tế còn nhiều hạn chế.

+ Điều kiện tài chính, cơ sở vật chất phục vụ công tác nghiên cứu khoa học còn hạn chế so với mức yêu cầu của một trường đại học theo cơ cấu giảng dạy và nghiên cứu (bình quân 800 USD/GV/năm), ảnh hưởng nhiều đến chất lượng.

### **1.2.5. Công tác hợp tác quốc tế**

Công tác hợp tác quốc tế về đào tạo của Trường bước đầu phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo của Trường thông qua các hoạt động hợp tác tổ chức hội thảo, kết nối thông tin, tìm kiếm tình nguyện viên giảng dạy tiếng Anh,.. đã góp phần xây dựng đội ngũ, nâng cao chất lượng giảng viên, đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy.

*Một số hạn chế trong công tác Hợp tác quốc tế*

+ Chưa tận dụng được lợi thế từ mối quan hệ của cán bộ, giảng viên của Nhà trường từng học tập ở nước ngoài, thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa các chương trình, dự án hợp tác quốc tế do các đơn vị trực thuộc (Khoa, Phòng) thực hiện, chưa có sự quản lý thống nhất nhằm tạo điều kiện phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau về nguồn lực.

+ Chưa thật sự chủ động trong việc xây dựng các chương trình hợp tác đào tạo với đối tác nước ngoài.

+ Chưa huy động nguồn lực của các đơn vị (khoa, phòng) trong các chương trình hợp tác, nghiên cứu.

### **1.2.6. Cơ sở vật chất**

Là một trường mới thành lập, cơ sở vật chất của trường còn gặp nhiều khó khăn. Trong những năm qua Trường đã nỗ lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nên số phòng học đã tăng lên đáng kể. Hiện nay, tổng số phòng học của Trường là 90 phòng tạm thời đáp ứng quy mô đào tạo hiện tại. Tuy nhiên, với quy mô

hiện nay vẫn chưa đáp ứng được chiến lược về phát triển quy mô đào tạo của Trường trong tương lai.

Hàng năm, nhà trường sử dụng hợp lý các nguồn lực tài chính để sửa chữa, nâng cấp và hiện đại dần cơ sở vật chất kỹ thuật như xây dựng và trang bị thêm phòng máy tính, nhiều máy chiếu projector, mạng internet tốc độ cao, xây dựng trang web, .. với kinh phí phân bổ hàng năm và từ nguồn vốn tự cân đối của đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy học tập, NCKH và công tác quản lý.

Đầu tư xây dựng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và quản lý nhân sự nhằm tin học hóa công tác quản lý, phục vụ kịp thời phương thức đào tạo theo tín chỉ. Đồng thời tiếp nhận nhiều dự án đầu tư chiều sâu cơ sở hạ tầng thông tin và dự án Giáo dục đại học với hệ thống máy chủ và máy tính được nối mạng tốc độ cao, cài đặt các chương trình phần mềm phục vụ công tác giảng dạy, học tập.

Nhà trường chú trọng đầu tư xây dựng thư viện theo hình thức thư viện điện tử kết hợp với truyền thống. Trong những năm qua, thư viện được bổ sung thêm nhiều sách, tài liệu tham khảo, giáo trình, bài giảng đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ và sinh viên. Hiện nay, thư viện của Trường đã có hơn 1.000 đầu sách khác nhau và đang bổ sung thêm số đầu sách và chủng loại trong thời gian tới.

#### *Một số hạn chế trong công tác cơ sở vật chất*

+ Công tác đầu tư xây dựng Trường ở cơ sở mới còn chậm, vốn đầu tư cấp ít chưa đáp ứng nhu cầu và yên cầu dạy học và NCKH của Trường.

+ Trường vẫn còn đào tạo và làm việc ở 02 khu nhà khá xa nhau (01 khu nhà đang mượn tạm của tỉnh Kiên Giang), chưa xây dựng được nhà làm việc ở cơ sở mới, không gian làm việc khá chật hẹp làm ảnh hưởng đến công tác quản lý điều hành và nâng cao năng suất lao động.

+ So với yêu cầu phát triển quy mô đào tạo, NCKH và quản lý của Trường thì cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị phục vụ còn thiếu và chưa đồng bộ.

+ Cơ sở vật chất đang trong quá trình xây dựng, còn nhiều thiếu thốn, chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của Trường, chưa tương xứng với tầm vóc và yêu cầu của một trường đại học.

#### **1.2.7. Nguồn lực tài chính**

Trường Đại học Kiên Giang là đơn vị hành chính sự nghiệp, nguồn tài chính chủ yếu để trang bị cơ sở vật chất, đầu tư phát triển, chi thường xuyên đáp ứng quy mô và chất lượng đào tạo từ 05 nguồn chính:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản do ngân sách nhà nước cấp;
- Nguồn kinh phí ngân sách cấp cho chi phí thường xuyên;
- Nguồn thu học phí;
- Nguồn thu từ liên kết đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ;

- Nguồn thu từ dự án hợp tác nghiên cứu,...

Trong những năm qua, Nhà trường đã triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách và pháp luật nhà nước, các quy định, hướng dẫn của cấp trên về chế độ thu chi, quản lý tài chính, tài sản. Đồng thời, xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài chính tài sản theo tinh thần ND10 và ND43 của Chính phủ phù hợp với tình hình thực tế, đưa công tác quản lý tài chính của Trường đi vào nề nếp, chủ động và tích cực. Tăng cường khai thác các nguồn thu từ các hoạt động đào tạo và hợp tác trong nước và quốc tế; sử dụng hợp lý nguồn thu ngân sách. Công tác quản lý tài chính đã thực sự phục vụ đắc lực cho các hoạt động đào tạo, NCKH, đầu tư phát triển và các hoạt động khác như văn nghệ, thể thao và các hoạt động xã hội khác... góp phần tích cực cho sự phát triển của trường.

Sử dụng hợp lý các nguồn lực tài chính để sửa chữa, nâng cấp và từng bước hiện đại dần cơ sở vật chất kỹ thuật như xây dựng và trang bị thêm một phòng máy tính, nhiều máy chiếu projector, mạng internet tốc độ cao, xây dựng trang web, bổ sung thêm nhiều đầu sách cho thư viện,... với kinh phí bình quân hàng năm hơn 02 tỷ đồng từ nguồn vốn tự cân đối của đơn vị, đã có tác dụng thiết thực đối với nâng cao chất lượng giảng dạy học tập, NCKH và công tác quản lý.

Công tác quản lý tài chính tài sản được thực hiện công khai, minh bạch và đúng quy định của Nhà nước.

Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính nhằm điều hành tập trung các nguồn vốn, điều tiết sử dụng hợp lý các nguồn thu để đáp ứng yêu cầu về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất và các hoạt động khác.

*Một số hạn chế trong công tác tài chính:*

+ Nguồn thu ngân sách và thu sự nghiệp thấp, các hoạt động nghiên cứu khoa học, dự án hợp tác và các dịch vụ đào tạo tư vấn chưa nhiều và chưa đem lại nguồn thu đáng kể để bổ sung và tăng nguồn kinh phí hoạt động cho đơn vị.

+ Chưa xây dựng kịp thời định mức chi tiêu cho một số hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên của Trường.

### **1.3. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức**

#### **1.3.1. Điểm mạnh**

- Được kế thừa truyền thống đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học về lĩnh vực kinh tế và quản lý của Trường Đại học Nha Trang.

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý đào tạo và NCKH.

- Là đơn vị thành viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được ưu tiên đầu tư, được sử dụng chung các nguồn lực; có điều kiện thuận lợi phát triển các chương trình đào tạo, NCKH có tính liên ngành cao.

- Có các ngành và chuyên ngành đào tạo từ bậc cử nhân trở lên, trong đó sẽ có ngành đào tạo là duy nhất ở khu vực Tây Nam Bộ như: khoa học biển, quản trị du lịch, quản lý nhà hàng – khách sạn.

- Đội ngũ giảng viên trẻ có năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, năng động và sáng tạo, có khả năng nhanh chóng hội nhập với khu vực và quốc tế. Có nhiều giảng viên giỏi đủ năng lực tư vấn, lập và quản lý, điều hành các dự án hợp tác trong nước và nước ngoài.

- Hợp tác, liên kết đào tạo và NCKH với trường đại học có uy tín ở trong và ngoài nước. Có quan hệ liên kết, hợp tác chặt chẽ với nhiều doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, các viện nghiên cứu trong nước.

- Được Bộ Giáo dục và Đào tạo ủng hộ chủ trương và phê duyệt nhiều dự án về đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu.

- Có mối liên kết tốt đẹp với doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên tìm được việc làm thích hợp sau khi tốt nghiệp.

### **1.3.2. Điểm yếu**

- Đội ngũ nhân lực, đặc biệt là nhân lực khoa học đầu ngành có học hàm, học vị cao còn thiếu.

- Cơ sở vật chất và năng lực tài chính chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Việc thu hút đầu tư các nguồn lực từ xã hội của Trường còn nhiều hạn chế.

- Học liệu, giáo trình, tài liệu chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng.

- Chưa được kiểm định về chất lượng giáo dục đại học. Các công trình được đăng tải trên các tạp chí khoa học có uy tín ở trong nước và quốc tế còn ít.

- Chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo chậm được đổi mới và chưa tương thích với các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

- Trao đổi giảng viên, sinh viên với nước ngoài còn hạn chế.

- Chưa áp dụng rộng rãi, đồng bộ công nghệ thông tin trong giảng dạy, nghiên cứu, điều hành và quản lý.

- Cơ chế chính sách được ban hành chưa tạo được động lực đủ mạnh để thu hút người tài và cán bộ, giảng viên và nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác.

### **1.3.3. Cơ hội**

- Đảng và Nhà nước đã có chủ trương về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam;

- Chính phủ ưu tiên đầu tư cho các chương trình nghiên cứu, đào tạo có tính liên ngành, chất lượng cao trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh.

- Hội nhập quốc tế tạo thời cơ để Trường thực hiện các chương trình nghiên cứu, liên kết đào tạo quốc tế để tiếp cận với các chương trình đào tạo, nghiên cứu tiên tiến. Đồng thời tạo động lực thu hút được nhiều cán bộ trình độ cao làm việc cho Trường.

- Kinh tế tri thức đang chiếm ưu thế, nhu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao trong khối ngành kinh tế, quản lý, công nghệ cao ngày càng tăng.

#### **1.3.4. Thách thức**

- Hội nhập quốc tế trong giáo dục, đào tạo sẽ tạo ra cạnh tranh gay gắt về nguồn tuyển sinh, giảng viên trình độ cao, cán bộ quản lý giỏi với các đại học nước ngoài, đặc biệt là các đại học hoạt động ở Việt Nam.

- Cạnh tranh gay gắt giữa các trường đào tạo kinh tế trong nước; yêu cầu về chất lượng giáo dục đại học ngày càng cao.

- Mục tiêu cần đạt được về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn quốc gia, khu vực trong khi còn nhiều bất cập về cơ chế, chính sách, nguồn lực cần thiết.

## **Phần thứ hai**

# **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

## **2.1. Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi**

### **2.1.1 Sứ mệnh**

Sứ mệnh của Trường Đại học Kiên Giang là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao; thực hiện nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung ứng dịch vụ về lĩnh vực kinh tế và quản lý phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Nam, đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

### **2.1.2. Tầm nhìn đến năm 2030**

Đến năm 2020, Trường Đại học Kiên Giang trở thành trường đại học theo hướng ứng dụng; tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực và đảm bảo chất lượng, uy tín, xếp vào trong các cơ sở đào tạo kinh tế và quản lý ở Việt Nam. Đến năm 2030, Trường cơ bản đáp ứng trên 50% các tiêu chí của trường đại học theo định hướng nghiên cứu, có đầy đủ đội ngũ chuyên gia đầu ngành đạt trình độ tiến sĩ trở lên, có cơ sở vật chất hiện đại, giúp người học chủ động và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.

### **2.1.3. Giá trị cốt lõi**

Tập thể Trường Đại học Kiên Giang luôn quyết tâm và tập trung xây dựng nhà trường đạt được các giá trị cốt lõi sau: **“TẬN TÂM – UY TÍN – CHẤT LƯỢNG – HỘI NHẬP”**.

## **2.2. Mục tiêu chiến lược đến năm 2020**

### **2.2.1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng Trường Đại học Kiên Giang trở thành một cơ sở đào tạo đa ngành, một trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, sản xuất - kinh doanh và đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc gia; một đến hai chuyên ngành đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của mạng lưới các trường đại học ASEAN (Bộ tiêu chuẩn AUN-QA) đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Nam; đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

### **2.2.2. Các mục tiêu cụ thể**

2.2.2.1. Tiếp tục tăng quy mô ngành nghề đào tạo 05 - 07%/năm, đến năm 2020 đạt quy mô đào tạo đủ các bậc học. Trong đó, Đại học: 9.000 sinh viên, trong đó hệ chính quy 6.000 sinh viên, hệ không chính quy 3.000 sinh viên; Sau đại học: 300 học viên trong đó cao học 290 học viên, nghiên cứu sinh 10 học viên. Sau năm 2020 quy mô đào tạo đại học giữ ổn định, tăng quy mô đào tạo

sau đại học. Đào tạo 18 - 20 chuyên ngành bậc đại học, 05 chuyên ngành cao học, 02 chuyên ngành nghiên cứu sinh. Xây dựng chuyên ngành Nông nghiệp, Kinh tế thành chuyên ngành đào tạo mũi nhọn.

Nâng cao chất lượng đào tạo, tiếp cận chương trình đào tạo tiên tiến của các nước trong khu vực, phấn đấu đến năm 2020 phần lớn các chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc gia, 01 chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng khu vực ASEAN.

2.2.2.2. Tổ chức được từ 04 đến 05 nhóm nghiên cứu mạnh để thực hiện được các đề tài, chương trình nghiên cứu lớn, tập trung, có khả năng tập hợp các nhà khoa học nhằm giải quyết những yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài của đất nước và khu vực. Phấn đấu trong giai đoạn 2016 – 2020, triển khai nghiên cứu ít nhất 02 đề tài cấp Nhà nước, 03 - 05 đề tài cấp Bộ, 15 - 20 đề tài cấp tỉnh, 100 - 150 đề tài cấp Trường của giảng viên và 300 đề tài của sinh viên. Sau năm 2020, tập trung nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đạt trình độ cao trong vùng.

Trong giai đoạn 2016 - 2020 xây dựng và liên kết thực hiện được 04 - 05 dự án phát triển kinh tế xã hội, 03 - 04 dự án liên kết đào tạo.

2.2.2.3. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và xây dựng đội ngũ đảm bảo về số lượng, chuẩn hoá về chất lượng đáp ứng mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo và yêu cầu nhiệm vụ. Phấn đấu đến năm 2020 ổn định quy mô đội ngũ cán bộ giảng viên của Trường là 500, cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 100% trong đó có ít nhất 10% tiến sĩ, các chức danh GS, PGS tăng 1 lần so với năm 2015. Cơ cấu cán bộ giảng dạy/cán bộ quản lý, hỗ trợ, phục vụ đạt tỷ lệ không quá 6/4. Giai đoạn 2016 - 2020 phấn đấu đạt tỷ lệ bình quân 20 sinh viên/1 cán bộ giảng dạy cho tất cả các ngành và các khoa của Trường. Có từ 50% cán bộ giảng dạy đủ trình độ ngoại ngữ để tự chủ về học thuật và làm việc trực tiếp với các chuyên gia và tổ chức quốc tế.

2.2.2.4. Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của Trường theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Trong giai đoạn 2016 - 2020, huy động mọi nguồn lực xây dựng hoàn thành các công trình trọng điểm: trụ sở làm việc 11 tầng, 03 nhà học 05 tầng đáp ứng điều kiện giảng đường, phòng thực hành, trụ sở làm việc; đến năm 2020 xây dựng hoàn chỉnh cơ sở của Trường đảm bảo môi trường đào tạo chất lượng đạt chuẩn các trường đại học tiên tiến trong nước và khu vực.

2.2.2.5. Huy động mọi nguồn lực tạo nguồn tài chính đủ để đảm bảo chủ động thực hiện các dự án phát triển Nhà trường.

Dự kiến đầu tư hàng năm (không kể kinh phí đầu tư từ các dự án) trong giai đoạn 2016 – 2020:

- Tổng chi thường xuyên hàng năm: 290 tỷ đồng
- + Chi lương, BHXH, Phúc lợi: 20 tỷ đồng.
- + Chi giảng dạy: 10 tỷ đồng.



- + Đầu tư xây dựng cơ bản: 200 tỷ đồng.
- + Chi mua sắm tài sản, thiết bị: 50 tỷ đồng.
- + Chi phí quản lý hành chính: 05 tỷ đồng.
- + Chi phí khác: 05 tỷ đồng.
- Tổng thu hàng năm: 290 tỷ đồng.
- + Từ ngân sách Nhà nước: 250 tỷ đồng.
- + Từ nguồn thu học phí, lệ phí: 35 tỷ đồng.
- + Từ các nguồn thu khác: 05 tỷ đồng.

### **2.3. Các giải pháp chiến lược**

#### **2.3.1. Giải pháp về đào tạo**

- Tiếp tục mở rộng hợp lý quy mô đào tạo đại học và sau đại học, đa dạng hoá các loại hình đào tạo trên cơ sở phù hợp với yêu cầu xã hội, điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, ngành nghề đào tạo.

- Tiếp tục tăng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, trung bình đối với bậc đại học chính quy khoảng 5%. Duy trì chỉ tiêu tuyển mới hệ không chính quy bình quân hàng năm 1.000 sinh viên; mở rộng quy mô loại hình đào tạo liên thông cao đẳng – đại học, đào tạo cấp bằng cử nhân ngành thứ 02 cho sinh viên chính quy học đồng thời, các loại hình khác ổn định như hiện nay. Nghiên cứu nhu cầu xã hội mở thêm ngành và các chuyên ngành có nhu cầu cao trên cơ sở phù hợp với năng lực và điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất. (Giai đoạn 2016 - 2020 mỗi ngành đào tạo mở thêm 01 chuyên ngành).

- Lập đề án đề nghị Bộ Giáo dục – Đào tạo phê duyệt đào tạo tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh, thạc sĩ ngành: Nông nghiệp, Kế toán,...

- Đổi mới nội dung chương trình đào tạo theo hướng kết hợp, hợp lý giữa đào tạo tri thức nghề nghiệp với kỹ năng thực hành, năng lực sáng tạo. Từng bước tiếp cận chương trình đào tạo tiên tiến của thế giới, khu vực phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, ứng dụng các phương tiện hiện đại làm bước đột phá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Xây dựng chuyên ngành Kinh tế, Nông nghiệp, Chế biến thực phẩm trở thành ngành mũi nhọn trong đào tạo. Thực hiện mở các lớp đào tạo chất lượng cao bằng hình thức đào tạo theo chương trình tiên tiến, liên kết đào tạo đồng cấp bằng với các đại học nước ngoài những ngành có lợi thế: Chăn nuôi, Trồng trọt, Nuôi trồng thủy sản, Công nghệ sinh học, Chế biến thực phẩm, Khoa học biển, Du lịch,...

- Đổi mới công tác tổ chức, biên soạn, nghiệm thu giáo trình nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo tính khoa học, cập nhật và chính xác. Nội dung giáo

trình bài giảng cần đổi mới theo hướng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người học đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội đặt ra của đất nước, của khu vực.

- Cải tiến và đa dạng hoá hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đảm bảo khách quan, chính xác. Từng bước xây dựng và thống nhất quản lý ngân hàng đề thi ở tất cả các học phần cho mọi loại hình đào tạo trong Nhà trường.

- Chuyên nghiệp hoá các hoạt động PR, marketing để giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu của Trường với các tổ chức, cá nhân để tìm kiếm các đơn “đặt hàng” (đào tạo, nghiên cứu...), tài trợ (học bổng, tài chính...) và thu hút những sinh viên giỏi, cán bộ lãnh đạo, quản lý trong và ngoài nước đến học tập, nghiên cứu tại trường.

- Gắn bó chặt chẽ công tác đào tạo của Trường với nhu cầu xã hội và thị trường lao động, áp dụng cho các phương thức đào tạo phù hợp với thực tế phát triển của xã hội.

- Phát triển mạng lưới cựu sinh viên để kết nối, khai thác tiềm năng, thế mạnh đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường.

### **2.3.2. Giải pháp về nghiên cứu khoa học**

- Nâng cao năng lực và kỹ năng NCKH của đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ nghiên cứu theo hướng chuyên sâu; tăng cường thu hút đội ngũ tham gia nghiên cứu khoa học và nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu.

- Tập hợp lực lượng để mỗi ngành đào tạo tổ chức xây dựng được 01 nhóm NCKH mạnh để thực hiện các chương trình nghiên cứu, đề tài, dự án khoa học lớn theo hướng chuyên ngành, liên ngành, tập hợp nhiều nhà khoa học tham gia tạo ra các sản phẩm nghiên cứu có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho vùng và đất nước.

- Tranh thủ các dự án của các tổ chức trong nước và nước ngoài để tổ chức NCKH, chuyển giao công nghệ và tiếp nhận công nghệ hiện đại, gắn chặt các hoạt động NCKH, nghiên cứu triển khai ứng dụng với các chương trình dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ NCKH cấp Bộ, Nhà nước. Nâng cao chất lượng đề tài nghiên cứu; xây dựng chỉ tiêu đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động NCKH.

- Đẩy mạnh hoạt động trao đổi thông tin khoa học với các tỉnh, nắm bắt nhu cầu, nhiệm vụ NCKH, phát triển kinh tế - xã hội và đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh. Triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, đời sống ở các địa phương góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương và khu vực đồng thời bổ sung kiến thức, tài liệu giảng dạy, nâng cao năng lực nghiên cứu của giáo viên và sinh viên.

- Tập trung xây dựng các trung tâm tư vấn NCKH và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kinh tế đạt trình độ cao trong vùng nhằm triển khai nghiên cứu, áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, đời sống xã hội góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương và khu vực.

- Đẩy mạnh hợp tác liên kết các nhà khoa học, nhà kỹ thuật công nghệ thuộc các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau trong nước và ngoài nước có khả năng giải quyết những vấn đề to lớn trong nghiên cứu đáp ứng yêu cầu hội nhập. Nắm bắt các dự án trong và ngoài nước, tập hợp lực lượng lập dự án để đấu thầu và triển khai thực hiện.

- Gắn chặt nghiên cứu khoa học với đào tạo đặc biệt là đào tạo trên đại học, hoạt động nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

### **2.3.3 Giải pháp phát triển hợp tác quốc tế**

- củng cố, hoàn thiện và mở rộng quan hệ ổn định lâu dài với các đối tác đã có.

- Tiếp tục tìm kiếm phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác mới và tiếp tục thực hiện các dự án đang được triển khai.

- Chú trọng việc mở rộng phạm vi tham gia dự án. Xây dựng thêm các dự án hợp tác đào tạo với các trường đại học và các tổ chức trong và ngoài nước.

- Hợp tác liên kết đào tạo một số chuyên ngành trọng điểm với các cơ sở đào tạo nước ngoài theo chương trình tiên tiến của hệ thống giáo dục quốc tế.

### **2.3.4. Giải pháp xây dựng cơ cấu tổ chức và phát triển đội ngũ**

#### **\* Đối với cán bộ giảng dạy**

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên trên cơ sở lộ trình thực hiện chiến lược phát triển Trường. Tiến hành định biên lại đội ngũ giảng viên và chuyên viên của toàn trường trên cơ sở chiến lược và cơ cấu tổ chức theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

- Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên và từng bước nâng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ để đến năm 2020 đạt theo chuẩn quy định chung.

- Tiến hành xây dựng quy hoạch cán bộ chuyên môn trong từng đơn vị, trong từng ngành đào tạo, có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuẩn hoá chức danh cho từng đơn vị; đảm bảo trẻ hoá và tính kế thừa của đội ngũ, tối ưu hoá việc sử dụng đội ngũ cán bộ giảng dạy.

- Điều chỉnh và hoàn thiện bộ tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên đáp ứng yêu cầu về định hướng phát triển mới của VNKGU. Những tiêu chuẩn cơ bản đó là: (1) kết quả học tập, (2) tiếng Anh, (3) sức khỏe, và (4) triển vọng phát triển (năng lực nghiên cứu, giảng dạy, thái độ - sự nghiêm túc, đam mê) cần phải được tuân thủ triệt để.

- Khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ cán

bộ giảng dạy tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước và học tập để nâng cao trình độ từ các chương tình, dự án, chương trình hợp tác đào tạo trong và ngoài nước theo đúng chuyên ngành nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ.

- Có cơ chế đồng bộ nhằm thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên giỏi từ nhiều nguồn trong và ngoài nước.

- Kết nối giảng viên liên ngành, liên trường trong nước và nước ngoài trên các lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu khoa học để tiếp thu kinh nghiệm và phương pháp mới.

#### **\* Đối với cán bộ nghiệp vụ và quản lý**

- Đối với đội ngũ cán bộ hành chính và cán bộ phục vụ đào tạo đảm bảo không quá 40% so tổng số người làm việc; 100% đội ngũ cán bộ hành chính, phục vụ có trình độ chuyên môn được đào tạo phù hợp với nhiệm vụ công tác được giao và phân đấu định kỳ hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng công tác.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và cán bộ quy hoạch lãnh đạo, quản lý đảm bảo yêu cầu, tiêu chuẩn quy định.

- Có quy định rõ ràng chức danh (ngạch, bậc) cho từng loại cán bộ; tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ nghiệp vụ phấn đấu nâng cao trình độ đạt chuẩn ngạch, bậc đã quy định.

Hợp đồng, tuyển dụng nhân sự trên cơ sở cân nhắc từng vị trí việc làm; đảm bảo tuyển dụng cán bộ có năng lực, phù hợp với công việc.

- Giám sát chặt chẽ việc chấp hành kỷ luật lao động.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và hiệu quả dựa trên chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của các đơn vị, cá nhân.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy và cán bộ hành chính phục vụ giảng dạy đảm bảo hợp lý về cơ cấu và tiêu chuẩn, đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tin học và ngoại ngữ.

- Chuẩn hoá đội ngũ CBGD bằng cách bổ sung, bồi dưỡng, sàng lọc đội ngũ CBGD, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ. Mời chuyên gia trong nước hoặc nước ngoài có kinh nghiệm giảng dạy, có phương pháp giảng dạy tốt tham gia giảng dạy để bồi dưỡng kỹ năng đổi mới phương pháp giảng dạy cho giáo viên.

#### **2.3.5. Giải pháp phát triển cơ sở vật chất**

- Lập kế hoạch đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo đầu tư kinh phí xây dựng cho Trường. Giai đoạn 2016 – 2020 hoàn thành các hạng mục công trình: 03 công trình giảng đường 05 tầng, công trình hiệu bộ 11 tầng, các công trình Hội

trường, Sân vận động, Nhà thi đấu đa năng, chỉnh trang khuôn viên, sân vườn và các hạng mục theo quy hoạch đã được duyệt.

- Đảm bảo các điều kiện về trang thiết bị, phương tiện dạy học theo yêu cầu chuẩn hoá và hiện đại hoá, đồng bộ, thuận lợi đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo; cung cấp thiết bị tin học, nối mạng internet phục vụ thiết thực đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập và NCKH.

- Xây dựng thư viện điện tử kết hợp với thư viện truyền thống đạt tiêu chuẩn, hiện đại, hệ thống thư viện được kết nối mạng internet với các cơ sở nghiên cứu liên quan. Đảm bảo đạt 70 - 100 đầu sách cho một chuyên ngành đào tạo.

- Ưu tiên đầu tư kinh phí chiều sâu và kinh phí từ các dự án giáo dục đại học và các dự án khác để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập, NCKH cho Trường.

- Xây dựng khu làm việc và một số phòng thực hành chuyên ngành mũi nhọn đạt tiêu chuẩn quốc gia, xây dựng các giảng đường lớn với trang thiết bị giảng dạy hiện đại, đồng bộ đảm bảo các phòng học trực tuyến có đủ máy tính nối mạng.

- Bố trí đầy đủ phòng làm việc cho cán bộ quản lý, các phòng, khoa, bộ môn và các tổ chức đoàn thể trong trường, đảm bảo mỗi khoa có một phòng tư liệu chuyên ngành riêng. Xây dựng các mô hình thực hành thực tế, doanh nghiệp thực hành, thị trường chứng khoán ảo để giảng viên và sinh viên thực tập nâng cao kỹ năng chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy.

### **2.3.6. Giải pháp phát triển nguồn lực tài chính**

Các mục tiêu liên quan đến hoạt động tài chính có thể thực hiện bởi các giải pháp chiến lược sau:

- Các chương trình đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ của Trường được phân tích, hạch toán chi tiết để có căn cứ lựa chọn ưu tiên đầu tư, tiết kiệm chi và tăng thu. Đẩy mạnh, ưu tiên các hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng, chuyển giao công nghệ có thu.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích về tài chính để tạo động lực cho các đơn vị trực thuộc, giảng viên, cán bộ nhân viên, đối tác... tích cực tạo nguồn thu cho Trường. Tiết kiệm các khoản chi phí để tập trung tài chính cho các chương trình phát triển của Trường.

- Thành lập một số cơ sở kinh doanh dịch vụ tạo nguồn thu cho Trường.

- Đề nghị Bộ GD&ĐT đầu tư mạnh cho Trường, đặc biệt là kinh phí đầu tư XDCB.

- Tăng cường tìm hiểu các thông tin về chủ trương, chính sách đầu tư, tài trợ, nguồn lực tài chính... lập các dự án vay vốn ưu đãi, tranh thủ tối đa sự hỗ

trợ tài chính của các chương trình, các tổ chức trong và ngoài nước.

- Xây dựng nguồn kinh phí phát triển nhà trường để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, học bổng cho sinh viên và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

### **2.3.7. Giải pháp đảm bảo chất lượng**

- Tiếp tục cải tiến nội dung, tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo. Xây dựng ngân hàng đề thi và đáp án chuẩn cho các môn học. Đảm bảo kỷ cương dạy và học trong toàn Trường.

- Cập nhật và công bố định kỳ 06 tháng một lần nội dung công khai

- Thực hiện thường xuyên công tác kiểm định nội bộ các chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn kiểm định chương trình đào tạo đại học của một số tổ chức kiểm định chất lượng có uy tín ở trong và ngoài nước.

- Cập nhật và nâng cấp báo cáo tự đánh giá của Trường

- Đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường, thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nội bộ theo các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm khắc phục các hạn chế, tồn tại đã được chỉ ra trong báo cáo tự đánh giá của Trường.

### **2.3.8. Giải pháp về cơ chế, quản lý điều hành**

- Xây dựng cơ chế chính sách theo hướng phát huy nội lực, khuyến khích phát triển cá nhân và tăng cường hợp tác.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý và ban hành các quy chế, quy định mang tính đặc thù của Trường, đảm bảo sự thống nhất, liên thông và phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ và hợp tác phát triển. Áp dụng mạnh công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Xây dựng và sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu trong nhà trường.

- Triển khai tích cực, có hệ thống công tác xây dựng và phát triển thương hiệu. Xây dựng hình ảnh Trường Đại học Kiên Giang gắn với các giá trị cốt lõi của Nhà trường nhằm tăng uy tín, sức hấp dẫn với xã hội.

**Phần thứ ba**  
**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC**

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian ( Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
<b>3.1. Kế hoạch phát triển đào tạo</b>					
<i>3.1.1. Nâng cao quy mô đào tạo trên tất cả các hệ đào tạo và loại hình đào tạo; mở thêm một số chuyên ngành mới đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực</i>	2016 - 2020	BGH, Các Khoa, Phòng QL ĐTDH &SDH	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở mới 10 chuyên ngành bậc Đại học</li> <li>+ Năm 2016 - 2020: Mỗi ngành đào tạo mở thêm 1 chuyên ngành mới. (Năm 2017 mở thêm 2 chuyên ngành, năm 2018 và 2019 mỗi năm mở thêm 1 chuyên ngành)</li> <li>- Quy mô SV:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm hệ chính quy 5%/năm</li> <li>+ Năm 2020: 6.000 SV CQ, 3.000 SV Không chính quy</li> </ul> </li> <li>- Loại hình đào tạo: CQ, VHVL, Bằng hai, Liên thông Cao đẳng lên đại học, đào tạo ngành thứ hai cho SV chính quy.</li> <li>- Năm 2020 lập đề án đào tạo tiên sĩ ngành Quản trị kinh doanh đề nghị Bộ GDĐT phê duyệt</li> <li>- Năm 2020 lập đề án đào tạo thạc sĩ ngành kế toán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án mở ngành mới</li> <li>- Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm</li> </ul>	Ngân sách thường xuyên
<i>3.1.2. Tăng cường chất lượng đào tạo theo hướng nâng cấp chương trình đào tạo các ngành học truyền thống và áp dụng</i>	2016 - 2020	BGH, Các Khoa, Phòng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 2020: Tất cả các chương trình đào tạo được đổi mới theo hướng tăng thực hành và phát triển tư duy sáng tạo của người học</li> <li>- Năm 2020: Xây dựng chuẩn đầu ra tất cả các ngành đào tạo</li> </ul>	- Bộ chương trình chi tiết	Ngân sách thường xuyên

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian ( Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
<i>phương thức đào tạo hiện đại</i>		QL ĐTĐH& SDH, KT&ĐB CL, CTSV	bậc đại học - Năm 2020 lập đề án Xây dựng ngành mũi nhọn: Kinh tế và Nông nghiệp - Năm 2020: Tiếp tục lập đề án hợp tác với các nước đào tạo song phương và đồng cấp bằng tốt nghiệp với đại học quốc tế. - Năm 2020: Hoàn thiện hệ thống giáo trình phù hợp với nhu cầu đào tạo và thực tiễn	được ban hành - Đề án liên kết đào tạo được thực hiện - Các giáo trình ban hành	
3.1.3. <i>Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá đào tạo</i>	2016 - 2020	BGH, Các Khoa, Phòng QLĐTĐ	- Năm 2020: Đổi mới phương pháp dạy học góp phần nâng cao ý thức tự giác học tập, khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học - Năm 2018 Triển khai kiểm định chất lượng đào tạo, đánh giá ngoài	- Số giảng viên áp dụng - Ngân	Ngân sách thường xuyên



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
		H&SDH, KT&ĐB CL, CTSV	- Năm 2018: Xây dựng ngân hàng đề thi đảm bảo tính khách quan trong đánh giá kết quả học tập	hàng đề thi - Báo cáo tự đánh giá	
<b>3.2. Kế hoạch phát triển khoa học công nghệ</b>					
3.2.1. Thực hiện các đề tài nghiên cứu mang tầm chiến lược, các lĩnh vực mũi nhọn, đặc biệt chú trọng nghiên cứu ứng dụng và sử dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất.	2016 - 2020	BGH, Các Khoa, Phòng QL KH&CN, HTQT, ĐTDH& SDH	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia nghiên cứu các chính sách phát triển kinh tế xã hội tầm vĩ mô của địa phương, vùng và cả nước</li> <li>- Tiến hành các nghiên cứu trong lĩnh vực: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng đào tạo.</li> <li>+ Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn</li> <li>+ Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn; thâm canh nông nghiệp.</li> <li>+ Sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, phát triển nông thôn; hiệu quả của việc sử dụng đất...</li> <li>+ Giải pháp tạo việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông thôn....</li> <li>+ Hoàn thiện mô hình quản lý và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp...</li> </ul> </li> </ul>	Các đề tài nghiên cứu	Ngân sách thường xuyên, Dự án

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
			+ Quản trị kinh doanh, thương mại, kế toán tài chính		
<i>3.2.2. Tăng cường thu hút đội ngũ giảng viên tham gia nghiên cứu và nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu</i>	2016 - 2020	BGH, Các Khoa, Phòng QL KH&CN, TCCB, ĐTĐH& SĐH	Bình quân giai đoạn 2016 - 2020: + 01 đề tài cấp nhà nước, 1 đề tài cấp Bộ trọng điểm, 2 đề tài cấp tỉnh + Đạt tỷ lệ 7 giảng viên /1 đề tài/năm + 100% đề tài nghiệm thu được ứng dụng thực tế và đưa vào giảng dạy + Số lượng bài báo đăng đạt tỷ lệ 3 giảng viên/1 bài báo/ 1 năm	- Số đề tài nghiên cứu - Số bài báo đăng tải	Ngân sách thường xuyên, Dự án
<i>3.2.3. Liên kết với các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp tham gia đấu thầu các dự án, đề tài khoa học, sản xuất trong nước và quốc tế.</i>	2016 - 2020	BGH, Các Khoa, Phòng KHCN-HTQT-ĐTSDH	+ Liên kết với khu vực sản xuất kinh doanh + Xây dựng mô hình thực hành trong đào tạo, NCKH + 2016 – 2018: Liên kết đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng	Các hợp đồng liên kết	Ngân sách thường xuyên, Dự án

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian ( Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
<b>3.3. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực</b>					
<i>3.3.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy của trường theo hướng phân cấp tăng quyền chủ động của các đơn vị.</i>	2016 - 2020	BGH, Phòng TC - HC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện quy định chức năng nhiệm vụ, quy chế hoạt động và phối hợp công tác giữa các đơn vị</li> <li>- Xây dựng chức năng nhiệm vụ, vị trí công tác của cán bộ viên chức ngạch chuyên viên và nhân viên</li> <li>- 2016: Thành lập Trung tâm đào tạo; tư vấn kinh tế và quản lý</li> <li>- 2018: Thành lập phòng Quản trị cơ sở vật chất</li> </ul>	BCTK hàng năm Báo cáo Phòng TC - HC	Ngân sách thường xuyên
<i>3.3.2. Tăng cường đội ngũ giảng viên đủ về số lượng và có trình độ cao</i>	2015 - 2020	BGH, Phòng TC - CB	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng cơ chế chính sách đồng bộ nhằm thu hút, phát triển đội ngũ giảng viên giỏi từ nhiều nguồn trong và ngoài nước.</li> <li>- Đến năm 2016: + Tỷ lệ sinh viên/1 cán bộ GD: 20/1 + 60% giảng viên có trình độ Thạc sĩ, 20% đạt trình độ tiến sĩ, 50% giảng viên có khả năng ngoại ngữ để làm chủ học thuật và làm việc trực tiếp với các tổ chức quốc tế.</li> <li>- Quy trình hoá việc đánh giá chất lượng giảng dạy của các giảng viên qua mỗi năm học</li> <li>- Trao đổi giảng viên và cán bộ NCKH với các Trường tiên tiến Trong nước và ngoài nước thường xuyên trong các năm học.</li> </ul>	BCTK hàng năm Báo cáo Phòng TC - HC	Ngân sách thường xuyên

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
3.3.3. Tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý và nghiệp vụ đủ về số lượng và có trình độ cao	2016 - 2020	BGH, Phòng TC - HC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đến 2020: 80% cán bộ quản lý được đào tạo về nghiệp vụ.</li> <li>- Đến năm 2020: 100% Trưởng phó Phòng, Khoa trở lên đạt chuyên viên chính, GV chính trở lên; có đủ trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, vi tính có thể làm việc trực tiếp với các tổ chức quốc tế. Đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, có tâm có đức, trung thực, có khả năng nghiên cứu, điều tra khảo sát, phân tích tổng hợp, xây dựng kế hoạch, gắn khoa học với thực tiễn sản xuất.</li> <li>- Xây dựng quy chế ưu tiên tuyển chọn sinh viên giỏi ở lại trường làm công tác giảng dạy và quản lý</li> </ul>	BCTK hàng năm Báo cáo Phòng TC - HC	Ngân sách thường xuyên
<b>3.4. Kế hoạch phát triển cơ sở vật chất</b>					
3.4.1. Đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn Việt Nam về các tỷ lệ về diện tích trường lớp	2016 - 2020	BGH, Phòng TC - HC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2016 - 2018: Xây dựng khu nhà học 7 tầng</li> <li>- Từ năm 2015 - 2020: Xây dựng nhà hiệu bộ và Hội trường 2 tầng 1.000 chỗ.</li> <li>- Xây dựng thư viện điện tử và tham gia mạng lưới các thư viện trong nước và khu vực.</li> </ul>	BCTK hàng năm Báo cáo Phòng TC - HC	Ngân sách thường xuyên, Dự án, vốn vay,
3.4.2. Đầu tư thiết bị giảng dạy, học tập và nghiên cứu theo	2016 - 2020	BGH, Phòng	- Xây dựng và trang bị khu làm việc và giảng đường trang thiết bị hiện đại và đồng bộ.	BCTK hàng	Ngân sách

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian ( Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
<i>hướng đồng bộ, thiết thực, từng bước.</i>		TC - HC	- Xây dựng hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin, đảm bảo các phòng dạy và học trực tuyến có đủ máy tính nối mạng cho nhu cầu dạy và học qua mạng	năm Báo cáo Phòng TC - HC	thường xuyên, Dự án, vốn vay,
<b>3.5. Kế hoạch phát triển nguồn tài chính</b>					
<i>3.5.1. Tăng rõ rệt nguồn thu của Trường thông qua việc thực hiện đa dạng hoá nguồn thu tài chính</i>	2016 - 2020	BGH, Phòng KH - TC	- Tăng nguồn lực tài chính từ các nguồn thu dự án, NCKH, dịch vụ... - 2015: Hoàn thành việc xây dựng các quy định về chế độ tài chính cho các đơn vị có thu, Quy định thu học phí đối với học chế tín chỉ,...	BCTK hàng năm Báo cáo Phòng KH - TC	Ngân sách thường xuyên, Dự án
<i>3.5.2. Nâng cao rõ rệt thu nhập cán bộ, giảng viên thông qua cải tiến tiền lương</i>	2016 - 2020	BGH, Phòng KH - TC	- Cải tiến tiền lương cán bộ giảng viên gồm lương theo ngân sách và thu nhập từ các nguồn khác - Hệ số lương tăng thêm cho cán bộ, giáo viên từ 0,25 – 0,3	BCTK hàng năm Báo cáo Phòng KH - TC	Ngân sách thường xuyên, Dự án

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
<b>3.6. Kế hoạch tăng cường hợp tác quốc tế</b>					
<i>Đa phương hoá, đa dạng hoá loại hình hợp tác</i>	2016 - 2020	BGH, Các Khoa, Phòng KHCN-HTQT-ĐTSDH Phòng KH - TC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- củng cố, hoàn thiện và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác đã có</li> <li>- Tiếp tục tìm kiếm phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác mới.</li> <li>- Tiếp tục thực hiện các dự án đang được triển khai: Dự án tư vấn về điều tra biến đổi khí hậu và nâng cao năng lực (NAV); Nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu cho một số nước ở khu vực Đông Nam Á (IDRC, Canada); Đánh giá Chương trình thí điểm chi trả dịch vụ môi trường của VN (Viện môi trường Stockholm). Chú trọng việc mở rộng phạm vi tham gia dự án.</li> <li>- Tiếp tục hợp tác với các trường Đại học và các tổ chức nước ngoài để trao đổi, đào tạo giáo viên và sinh viên, tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế.</li> <li>- Năm 2018: Hợp tác với Đại học QT về đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng</li> <li>- Năm 2018: Tìm đối tác hợp tác đào tạo chương trình tiên tiến hoặc liên kết đào tạo ngành QTKD</li> </ul>	BCTK hàng năm Báo cáo của các Khoa, Phòng KHCN – HTQT-ĐTSDH	Ngân sách thường xuyên, Dự án

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian ( Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
<b>3.7. Kế hoạch kiểm định chất lượng</b>					
<i>4.7.1. Triển khai kiểm định chất lượng đào tạo của trường theo quy trình kiểm định chất lượng của Bộ GD - ĐT và tiêu chuẩn ISO</i>	2016 - 2020	BGH, Các Khoa, Phòng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 2018: Tổ chức tự kiểm định trong nhà trường và đăng ký kiểm định ngoài với Bộ GD - ĐT</li> <li>- Năm 2018: Được kiểm định ngoài về chất lượng GD đại học</li> <li>- Năm 2020: Được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL quốc gia</li> </ul>	BCTK hàng năm BC của các Khoa, Phòng KT-KĐCL GD	Ngân sách thường xuyên, Dự án
<i>3.7.2. Kiểm định theo điều tra đánh giá của thị trường</i>	2016 - 2020	BGH, Các Khoa, Phòng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của cựu SV và nhà tuyển dụng</li> <li>- Tổ chức Hội nghị các nhà tuyển dụng</li> </ul>	Báo cáo của Phòng KT-KĐCL GD	Ngân sách thường xuyên, Dự án
<b>3.8. Kế hoạch hoàn thiện hệ thống các văn bản, các quy định của Nhà trường</b>					

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian ( Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
<i>Triển khai hoàn thiện hệ thống các văn bản, các quy định của Nhà trường; Đổi mới công tác quản lý</i>	2016 – 2018	BGH, Các Khoa, Phòng, Trung tâm, Công đoàn, Đoàn TN	<p><b>- Đến tháng 12/2016 hoàn thành các văn bản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá; 3 công khai và chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo</li> <li>+ Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy, liên thông và hệ VLVH</li> <li>+ Quy định về biên soạn giáo trình, bài giảng và in ấn; Quy định về thực tập cuối khóa</li> <li>+ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường</li> <li>+ Quy định về: Quản lý hành chính; Tuyển dụng HDLD; Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ; Tập sự giảng dạy; Quản lý và sử dụng cơ sở vật chất của Trường; Hoạt động khoa học, công nghệ của Trường; Chi tiêu nội bộ của Trường; Mức thu học phí, hướng dẫn thu học phí, miễn giảm học phí, chính sách tín dụng theo trình độ và hình thức đào tạo; Công tác khảo thí; Công tác coi thi, chấm thi, phúc khảo và bảo quản bài thi; Công tác quản lý thư viện; Quản lý hệ thống thông tin của Trường; Quy định về hoạt động đoàn, hội SV; Quy chế làm việc của công đoàn; Quy trình xây dựng bộ đề thi; Quy định về tổ chức và triển khai lấy ý kiến sinh viên đánh giá giáo viên</li> </ul>	Các văn bản, quy định được ban hành	



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian ( Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
			<p>+ Xây dựng phương án sử dụng nguồn thu tăng thêm để nâng cao chất lượng đào tạo và chăm lo đội ngũ giảng viên; Chế độ phục vụ bạn đọc; Xây dựng nội quy, phương pháp sử dụng gắn kết trách nhiệm của đối tượng quản lý, đối tượng sử dụng với các trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu;</p> <p><b>- Từ 06/2018 đến tháng 09/2018 hoàn thành các văn bản:</b></p> <p>+ Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của đội ngũ cố vấn học tập; Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ; Xây dựng phương án quản lý sinh viên trong điều kiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ; Quy định đánh giá cán bộ viên chức; Quy định về chế độ làm việc của giảng viên; Quy định về tổ chức lấy ý kiến cán bộ, giáo viên đánh giá cán bộ quản lý của Trường; Quy định về đào tạo sau đại học; Quy định về hợp tác quốc tế;</p> <p>+ Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ</p> <p>+ Hoàn thành bản Mô tả vị trí công việc, tiêu chuẩn và quy trình thực hiện nhiệm vụ của các chuyên viên</p> <p><b>-Từ 2016 đến 2018:</b> Phối hợp với các DN, các sở ban ngành ở Khu vực trong việc tham gia xây dựng chương trình đào tạo,</p>		

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	Thời gian ( Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ SỐ THỰC HIỆN	Sản phẩm	TÀI CHÍNH
			xây dựng chuẩn đầu ra, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, gắn lý thuyết với thực tế cho sinh viên; Mở rộng địa bàn và các sân chơi trong học tập và nghiên cứu cho sinh viên.		

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**

Chiến lược phát triển Trường Đại học Kiên Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 là những mục tiêu tổng quát, những nội dung giải pháp cơ bản, khái quát có ý nghĩa định hướng phát triển Trường trong thời gian dài. Tổ chức thực hiện và đánh giá quá trình thực hiện chiến lược có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, sứ mệnh của nhà trường.

Để việc triển khai chiến lược thành công, Trường thực hiện các giải pháp tổ chức thực hiện như sau:

- Thành lập Ban chỉ đạo, đánh giá thực hiện các mục tiêu chiến lược
- Thông báo chiến lược phát triển đến toàn bộ cán bộ, công chức, học viên, sinh viên của Trường đồng thời tuyên truyền nâng cao nhận thức với các tổ chức, đơn vị, thành viên nhà trường đối với việc thực hiện kế hoạch chiến lược.
- Tổ chức bộ máy, phân công thực hiện cho từng bộ phận, đơn vị, cá nhân
- Trong từng giai đoạn, Trường cụ thể hoá kế hoạch chiến lược bằng kế hoạch 05 năm, hàng năm, xây dựng lộ trình cụ thể thực hiện chiến lược.
- Hằng năm tiến hành đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hành động chiến lược để xác định sự tiến bộ, phù hợp với chiến lược. Có cơ sở để điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu chiến lược phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Tổ chức thực hiện thành công chiến lược trong giai đoạn 2016 - 2020 với những mục tiêu và định hướng lớn đã được tuyên bố trong chiến lược đó là nhiệm vụ hết sức to lớn và nặng nề của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và toàn thể CCVCGV, NLD nhà trường.

Thực hiện thành công chiến lược này là góp phần xây dựng, phát triển nhà trường, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài, nâng cao nhân trí, tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Thái Thành Lượm**